

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày

tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19

trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 28/01/2022

(Từ 17h00 ngày 27/01/2022 đến 17h00 ngày 28/01/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	28	22	6	0	0	0	4211	1504	4119	33
2	H. Lắk	8	5	3	0	0	0	1004	847	737	1
3	H. Krông Bông	3	0	1	0	0	2	385	151	323	0
4	H. Krông Buk	0	0	0	0	0	0	1173	990	1019	7
5	H. Ea H'Leo	21	20	0	0	0	1	661	136	536	2
6	H. Krông Pắc	2	1	1	0	0	0	784	253	612	6
7	H. Krông Ana	2	2	0	0	0	0	1037	615	913	3
8	H. Cư M'Gar	21	0	19	0	0	2	1844	1093	1381	9
9	H. Ea Súp	13	13	0	0	0	0	422	154	298	1
10	H. M'Đrăk	7	0	6	0	0	1	500	354	285	0
11	H. Krông Năng	4	0	2	0	0	2	440	265	338	3
12	H. Ea Kar	9	8	0	0	0	1	731	314	560	0
13	H. Buôn Đôn	4	0	2	2	0	0	369	135	186	1
14	H. Cư Kuin	0	0	0	0	0	0	958	558	902	5
15	TX. Buôn Hồ	4	0	4	0	0	0	1468	668	1249	16
	TỔNG	126	71	44	2	0	9	15987	8037	13458	87

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã ghi nhận **15.987** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **13.458** trường hợp xuất viện, **87** trường hợp tử vong (01 trường hợp tử vong trong ngày), hiện còn điều trị **2.442** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **50,3%** số ca mắc

- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **855,2/100.000** dân

- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

- Chi tiết một số chùm ca bệnh (theo phụ lục 1)

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	0	74	0			
2	TP.BMT	0	243	43	36	2549	504
3	TX. Buôn Hồ	0	87	0	27	2326	1060
4	H. Ea H'Leo	-	16	0	-	618	77
5	H.Krông Năng	0	0	0	8	942	256
6	H. Cư M'Gar	22	430	38	9	3231	592
7	H. M'Đrăk	6	383	6	0	3269	134
8	H. Ea Kar	97	532	324	124	2900	749
9	H. Krông Pắc	0	52	22	19	3136	487
10	H. Krông Bông	0	58	0	0	6342	2834
11	H. Krông Ana	0	17	0	7	473	142
12	H. Cư Kuin	0	0	0	23	931	287
13	H. Lắk	0	0	0	95	879	267
14	H. Buôn Đôn	1	123	47	11	1905	574
15	H. Ea Sup	0	0	0	59	2060	187
16	H. Krông Buk	0	0	0	20	763	250
	TỔNG	110	1992	478	1058	32018	9155

b) Khu vực phong tỏa:

- Số khu vực phong tỏa: 311 khu vực; đã giải tỏa: 291 khu vực
- Còn lại: 20 khu vực đang phong tỏa.

(Cập nhật chi tiết tại đường link <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1FToKXiONnwUTEK7VqfBp22Rf71yBI7lxSDYjd2ZWtqo/edit#gid=644602066>)

c) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	195	270	2107
2	TX. Buôn Hồ	495	597	2964
3	H. Ea H'Leo	-	-	1878
4	H. Krông Năng	8	-	944
5	H. Cư M'Gar	202	138	1834
6	H. M'Đrăk	0	-	1527
7	H. Ea Kar	698	-	4583
8	H. Krông Pắc	844	1325	12357
9	H. Krông Bông	307	0	3350
10	H. Krông Ana	0	0	-280
11	H. Cư Kuin	18	23	442
12	H. Lắk	23	98	414
13	H. Buôn Đôn	-	0	799
14	H. Ea Sup	-	3	474
15	H. Krông Buk	-	0	28
	TỔNG	2790	2.365	31527

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	70	0	1455	6	378	1	650	28	0
2	TP.BMT	157	27	6941	1049	0	0	0	0	0
3	TX. Buôn Hồ	186	4	1825	119	0	0	0	0	0
4	H. EaH'Leo	-	-	9894	86	-	-	0	0	0
5	H.Krông Năng	32	8	1101	125	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	96	18	4462	519	0	0	0	1	0
7	H. M'Đrăk	360	6	7276	277	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	161	13	4867	291	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	290	8	10030	272	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	410	3	4731	385	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	22	0	1979	172	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	5	0	565	95	0	0	3	2	0
13	H. Lắk	26	4	1483	288	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	316	8	4034	154	10	0	101	4	0
15	H. Ea Sup	45	45	236	236	0	0	37	37	0
16	H. Krông Buk	107	0	839	269	0	0	0	0	0
TỔNG		1332	74	59988	4226	114	0	436	70	7

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

a) Tổng số vắc xin đã nhận

	Loại vắc xin	Vắc xin nhận	Số mũi tiêm thực hiện	Tỷ lệ (%)
	TỔNG	3.120.498	3.187.804	102,2
1	AstraZeneca	774.950	871.468	112,5
2	Comirnaty	1.163.508	1.162.445	99,9
3	Moderna	121.800	124.201	102,
4	Sinopharm	1.060.240	1.029.690	97,1

b) Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Mũi 1		Mũi 2		Mũi 3	
			Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)
1	18 tuổi trở lên	1.269.372	1.234.449	97,2	1.179.899	93,0	487.201	38,4
2	50 tuổi trở lên	361.984	353.653	97,7	343.534	94,9	84.771	23,4
3	65 tuổi trở lên	103.549	103.001	99,5	97.367	94,0	46.787	45,2
4	PNCT từ 13 tuần tuổi thai	22.934	22.669	98,8	21.612	94,2	4.096	17,9
5	TE 15-17 tuổi	80.616	78.390	97,2	72.372	89,8		
6	TE 12-14 tuổi	105.348	99.418	94,4	89.269	84,7		

5. Công tác điều trị trong ngày

a) Tình hình biến động bệnh nhân trong ngày: Tổng số bệnh nhân COVID-19: **15.987** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **13.458** trường hợp xuất viện, **87** trường hợp tử vong, hiện còn điều trị **2.442** trường hợp.

- Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	319	313	48	3	0	51	0
2	BV Dã chiến 02	1500	568	543	29	0	0	54	0
3	TTYT Krông Búk	230	193	192	36	0	0	37	0
4	BV khu vực 333	300	183	186	19	0	0	16	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	100	67	72	10	0	0	5	0
6	BVĐK Vùng TN	92	39	37	4	0	0	6	1
	Tổng	3222	1369	1343	146	3	0	169	1

- Điều trị F0 tại nhà: mới 13 trường hợp, tích lũy **504** trường hợp, 371 trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 09 trường hợp, hiện còn điều trị **123** trường hợp.

b) Phân loại tình trạng bệnh nhân

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n=1.343)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	160	153	0	0	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	347	196	0	0	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	181	11	0	0	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	97	89	0	0	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	0	0	49	18	0	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	2	2	15	14	3	0	0	1	0
	Tổng	787	451	64	32	3	0	0	1	0
	Tỷ lệ %	58.6	33.6	4.8	2.4	0.2	0.0	0.0	0.1	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n=1.343)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	319	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	543	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	192	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	186	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	49	18	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	28	6	2	0	1	0
	Cộng	1317	24	2	0	1	0
	Tỷ lệ %	98.0	1.8	0.1	0.0	0.1	0.0

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều **238** nhân lực/ tổng **1.586** lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục 2*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- UBND tỉnh (*báo cáo*);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (*báo cáo*);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục 1: CHI TIẾT CÁC CHÙM CA BỆNH

TT	Chùm ca bệnh	F0
1	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại thôn Nam Hòa, Xã Dray Bhang, Cư Kuin.	18
2	Liên quan Fo Y Ngheo Mgiao tại buôn Drah 2, Cư Né, Krông Buk	55
3	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng, chưa rõ nguồn lây tại Buôn Mrông A, Mrông B, Mrông C, TDP 3A, 3B, 4- TT Ea Kar	138
4	Chùm ca bệnh tại Buôn Kô Siêr, P. Tân Lập, BMT	3
5	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, 2, 3, 7, 9, 11, 12, thôn 8, buôn Hluk, buôn Ciệt - xã Ea Tiêu, Cư Kuin. Lây sang thôn 4, Cư Ebur, BMT	152
6	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 22, 24, thôn 13, buôn Purk Prông- xã Ea Ning, Cư Kuin	34
7	Chùm ca bệnh liên quan BN điều trị nội trú tại BVĐK Vùng Tây Nguyên	61
8	Chùm ca bệnh cộng đồng tại buôn Tuôr A, Tuôr B, buôn Kala, buôn Anna - Xã Dray Sap, Krông Ana	148
9	Liên quan chùm ca bệnh tại 221, 189/1/45 Mai Hắc Đế, Tân Thành, BMT	10
10	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dong Bắk, xã Yang Tao, Lăk. lây qua buôn Yok Đuôn	61
11	Liên quan chùm ca bệnh tại Pai Pi, xã Đăk Nuê, Lăk Fo Y Song Pang Ting. Lây sang buôn Mih, buôn Dham 2, buôn Kdie 1- Đăk Nuê	183
12	Chùm ca bệnh tại Thôn 1, 7,9, 11,thôn 12, Hòa Phú, BMT	34
13	Chùm ca bệnh tại buôn Dham, Xã Ea Bông, Krông Ana	96
14	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Sut Mdrang, Thôn 2, 3 Cư Suê, Cư M'Gar	42
15	Chùm ca bệnh tại buôn Hwiê, buôn Cư Mblim, buôn Kao, thôn 4, thôn 3, thôn Tân Hưng, Thôn Cao Thắng - xã Ea Kao, BMT	87
16	Chùm ca bệnh tại buôn Jiê Yuk, xã Đăk Phoi, Lăk	32
17	Liên quan đến chùm ca bệnh Buôn Mğăm, buôn Mlóc B, buôn Tai - xã Krông Jing, M'Đrăk	28
18	Chùm ca bệnh tại Buôn Cuể, Xã Băng Adrênh, Krông Ana. Lây sang buôn K62, Băng Adrênh.	72
19	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dur Kmal, xã Dur Kmal, Krông Ana.	26
20	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Kruế, Ea Bông, Krông Ana	4
21	Liên quan chùm ca bệnh tại Cư Huê, Ea Kar	37
22	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Suk, buôn Tong Sinh, Xã Ea Đar, Ea Kar	16
23	Liên quan chùm xã Hòa Tân, Huyện Krông Bông, Đăk Lăk	30
24	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ga, Xã Ea Kmút, Ea Kar	30
25	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mùi 2, Mùi 3- Cư Né, Krông Búk	58
26	Liên quan chùm ca bệnh thôn Đăk Rmút, Xã Krông Nô. Lăk	16
27	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Yoi, Đăk Nuê, Lăk	52
28	Chùm ca bệnh tại thôn Quỳnh Tân 2, Quỳnh Tân 3, TT Buôn Tráp, Krông Ana	19
29	Liên quan chùm ca bệnh tại TDP2, TDP3, TDP5, TDP 7, TDP 9, Phường Tân Hòa, BMT	28
30	Chùm ca bệnh tại thôn 13, 14, Ea Tút, xã Pong Drang, Krông Buk	27
31	Chùm ca bệnh tại buôn Yon, Xã Bông Krang, Huyện Lăk	6
32	Chùm ca bệnh tại Cư Mlan, Ea Súp lây sang buôn Păn Lăm, P Tân Lập, BMT	32
33	Chùm ca bệnh tại chợ TT Ea Súp, Ea Súp	100
34	Chùm ca bệnh tại buôn Yông Hắt, Krông Nô, Lăk	201
35	Liên quan chùm ca bệnh tại KCN Hòa Phú, BMT	12
36	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Yông B, Tah A, Tah B – xã Ea Đrong, Cư M'Gar	25
37	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Krông Kmar, Krông Bông	7

TT	Chùm ca bệnh	F0
38	Chùm ca bệnh tại buôn Hma, Ea Bông, Krông Ana	7
39	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn Ea Pông, xã Ea Sin, Krông Buk	51
40	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Ktur, Cư Kuin	18
41	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Mao, Kon Tây – xã Ea Yiêng, Krông Pắc	48
42	Liên quan chùm ca bệnh tại Cai A, Trang Yôk – Krông Nô, Lắk	10
43	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, thôn 4 – Cư Ebur - BMT	69
44	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Xê Đăng, xã Ea Sar, huyện Ea Kar	114
45	Liên quan chùm ca bệnh tại Xã Quảng Hiệp, Quảng Tiến, Cư M'Gar	35
46	Liên quan chùm ca bệnh tại 116/3/20 Y Moal, Phường Tân Lợi, BMT	19
47	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Dho, xã Cư Pong, Krông Buk	37
48	Liên quan chùm ca bệnh tại xã Ea Trang, M'Đrăk Lây sang Cư San	255
49	Liên quan chùm ca bệnh Cư Pui, Krông Bông	30
50	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mblót, xã Ea Bông, Krông Ana	8
51	Liên quan chùm ca bệnh buôn Kroa B, Cuôr Đăng, Cư M'Gar	9
52	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Quảng Phú, Cư M'Gar	34
53	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 3 – Ea Pil – M'Đrăk	23
54	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Ea Bơ, Cư Pong, Krông Buk	15
55	Chùm ca bệnh Buôn Tuôr, Hòa Phú, BMT	48
56	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Hđing, Xã Cư Dliêng Mnông, Cư M'gar	148
57	Liên quan chùm ca bệnh tại chợ đầu mối Tân Hòa, BMT	11
58	Liên quan chùm ca bệnh Công ty Thiên Phúc, Cty Vinh Phúc - cuô Cư M'Gar	23
59	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Sút, TT Ea Pôk, Cư M'Gar	16
60	Liên quan chùm ca bệnh tại Thôn 9, Cuôr Knia, Buôn Đôn	8
61	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Tring 2, 3, 4. P An Lạc, Buôn Hồ	32
62	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Ea Súp, TT Ea Pôk, Cư M'Gar	20
63	Liên quan chùm ca bệnh tại Kna A, Kna B- TT Cư M'Gar	33
64	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn B1, B2, A1, A2. TT Ea Súp, Ea Súp	28

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/NHS/YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2	0								2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	0	0						11	0	11	20
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	16	33	3	6	4	2		10	11	85	237
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	13	25	2	2	3			8	6	59	71
5	Bệnh viện Dã chiến số 03 tỉnh Đắk Lắk											58
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			0				5			5	36
7	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột						2	10	17		29	618
8	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0				0				0	14
9	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2	0	0	0			0		0	2	202
10	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	3	8	8				0	6		25	75
11	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên	4	5				1				10	44
12	KCL Trường CĐ Công nghệ TN	4	6								10	10
13	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
14	Khu cách ly Dây nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3		0							0	0	2
15	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk										0	8
16	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk										0	8
17	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên							0			0	28
18	Trường THPT DTNT N'Trang Long							0			0	70
19	Trường THCS Hòa Phú		0	0							0	40
TỔNG CỘNG		44	77	13	8	7	5	15	52	17	238	1586

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	39	73	13	9	7	3	0	0	13	157	754
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	5	1	1	3	1	0			0	11	82
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	9	14	1	0	0	1			5	30	86
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	6	1	8						1	16	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	2				0				3	25
1.6	Bệnh viện Y HCT		2		0	1				0	3	82
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar	0	5	0							5	58
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc. mỹ phẩm. thực phẩm			0	3						3	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	0	0								0	8
1.10	TTYT huyện Lắk	3	5								8	18
1.11	TTYT huyện Krông Pắc	0	2								2	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	0	0	0							0	17
1.13	TTYT huyện Krông Búk						0				0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		0								0	24
1.16	Bệnh viện Tâm thần	0	3			1					4	15
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2	0						0	3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng	0	2	0	0					0	2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	3	5			1					9	23
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	8
1.21	TTYT huyện Krông Ana		0								0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4	0	0					0	6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	8	16	2	3	3	1			7	40	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		6					0		0	6	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh	0									0	11
2.2	BV Nhi Đức Tâm	2									2	2
2.3	BVĐK Hòa Bình	0	0		0						0	9
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa. Phòng khám chuyên khoa....)										0	0
4	Cán bộ y tế hưu trí										0	0
5	Trường ĐH. CĐ	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	696
5.1	Trường ĐH BMT										0	283
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên							15			15	345
5.3	Trường Cao đẳng Y tế							0			0	68
6	Bệnh viện Bạch Mai	0	0							0	0	9
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh						0				0	2
8	Tình nguyện viên								64		64	103
TỔNG CỘNG		41	73	13	9	7	3	15	64	13	238	1586